TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **65**/2025/HNGĐ - ST Ngày 18 - 12 - 2025 V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Sỹ Thắng

Bà Viên Thị Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 72/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/12/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đinh Thị T, sinh năm 1988 (có mặt)

Căn cước công dân số: 034188017198; ngày cấp: 30/11/2021

ĐKHKTT: Thôn S, xã C, tỉnh Thanh Hóa.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Viết B, sinh năm 1984 (có đơn xin vắng mặt)

Căn cước công dân số: 038084035206; ngày cấp: 10/5/2021

ĐKHKTT: Thôn S, xã C, tỉnh Thanh Hóa

Nơi ở hiện nay: Tổ 1C, khu phố H, phường Tân B, thành phố A, tỉnh Bình Dương nay là phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 03/10/2025, bản tự khai ngày 13/10/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Đinh Thị T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Viết B xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 22/12/2006 tại UBND xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk nay xã E, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Mặc dù đã

cố gắng hàn gắn nhưng mâu thuẫn không được giải quyết mà ngày càng trầm trọng. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01/2025 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Viết B.

- Về con chung: Chị T và anh B có 2 con chung là Nguyễn Thị Y, sinh ngày 01/01/2010 và Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 15/6/2017. Nguyện vọng của chị T khi ly hôn xin được trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Thị Y còn anh B nuôi cháu Nguyễn Ngọc N. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo Quyết định ủy thác thu thập chứng cứ của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thanh Hóa, tại Bản tự khai ngày 13/11/2025 tại Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh, bị đơn anh Nguyễn Viết B trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Đinh Thị T có thời gian tìm hiểu nhau được 2 tháng thì tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 05/2007, cấp ngày 22/12/2006. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2025 đến nay. Nay anh xác định không còn tình cảm với chị T nên đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung là Nguyễn Thị Y, sinh ngày 01/01/2010 và Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 15/6/2017. Sau khi ly hôn anh xin được nuôi con chung là Nguyễn Ngọc N và đồng ý cho chị T nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị Y, không ai phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản và nợ chung: Anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại phiên tòa:*

- Chị Đinh Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Viết B. Về con chung: Chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Y còn anh B trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc N. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Anh Nguyễn Viết B có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại Đơn xin xét xử vắng mặt anh B không thay đổi bổ sung ý kiến gì thêm.

** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thanh Hóa tại phiên tòa sơ thẩm:*

- Về tố tụng:

+ Về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định

của pháp luật trong việc xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách tố tụng của các đương sự; việc thực hiện các thủ tục tố tụng như xác minh thu thập chứng cứ, ban hành và giao các văn bản tố tụng đều đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS).

+ Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đầy đủ các quy định của BLTTDS.

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của đương sự: Đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo khoản 1 Điều 228 BLTTDS.

- Về nội dung:

+ Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; cho chị T được ly hôn anh B.

+ Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Thị Y, sinh ngày 01/01/2010 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 15/6/2017 cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T và anh B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

+ Về tài sản chung: Chị T và anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

+ Về án phí: Căn cứ Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Anh Nguyễn Viết B có địa chỉ thường trú tại thôn S, xã C, tỉnh Thanh Hóa nên chị Đinh Thị T yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thanh Hóa giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 BLTTDS.

Tại phiên tòa sơ thẩm anh Nguyễn Viết B có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt anh B theo khoản 1 Điều 228 BLTTDS.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Đinh Thị T và anh

Nguyễn Viết B dựa trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Đánh giá về thực trạng quan hệ vợ chồng: Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có tiếng nói chung nên xảy ra cãi nhau. Từ đó cuộc sống gia đình không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, chị T và anh B đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2025 đến nay. Chị T xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hòa giải đoàn tụ nên chị vẫn giữ nguyên quan điểm ly hôn. Về phía anh B cũng đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị T. Xét thấy chị T và anh B đã sống ly thân, đời sống chung của vợ chồng đã chấm dứt. Mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được nên áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu của chị T được ly hôn anh B là phù hợp.

[2.2]. Về con chung: Chị T và anh B có 2 con chung là Nguyễn Thị Y, sinh ngày 01/01/2010 và Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 15/6/2017. Khi ly hôn chị T có nguyện vọng nuôi cháu Y, anh B có nguyện vọng nuôi cháu N. Hiện nay cháu Y đang ở với chị T và cũng có nguyện vọng xin được ở với mẹ còn cháu N đang ở với anh B cùng gia đình bên nội và cũng có nguyện vọng xin được ở với bố. Chị T và anh B đều có đủ điều kiện nuôi con. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy để đảm bảo quyền lợi cho con phát triển về mọi mặt, phù hợp với nguyện vọng của các đương sự cần giao cháu Nguyễn Thị Y cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Ngọc N cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Chị T và anh B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]. Về tài sản và nợ chung: Chị T và anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[3]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện, chị Đinh Thị T được ly hôn anh Nguyễn Viết B.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Y, sinh ngày 01/01/2010 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 15/6/2017 cho anh B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị T và anh B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Đinh Thị T và anh Nguyễn Viết B có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản và nợ chung: Chị T và anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đinh Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị T đã nộp theo biên lai thu số 0001184 ngày 08/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa. Chấp nhận chị T đã nộp đủ án phí.

5. Quyền kháng cáo: Chị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh B được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 2 - Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- THADS tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã E, tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu hs, vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trịnh Thị Hà